9. SXT 35.250

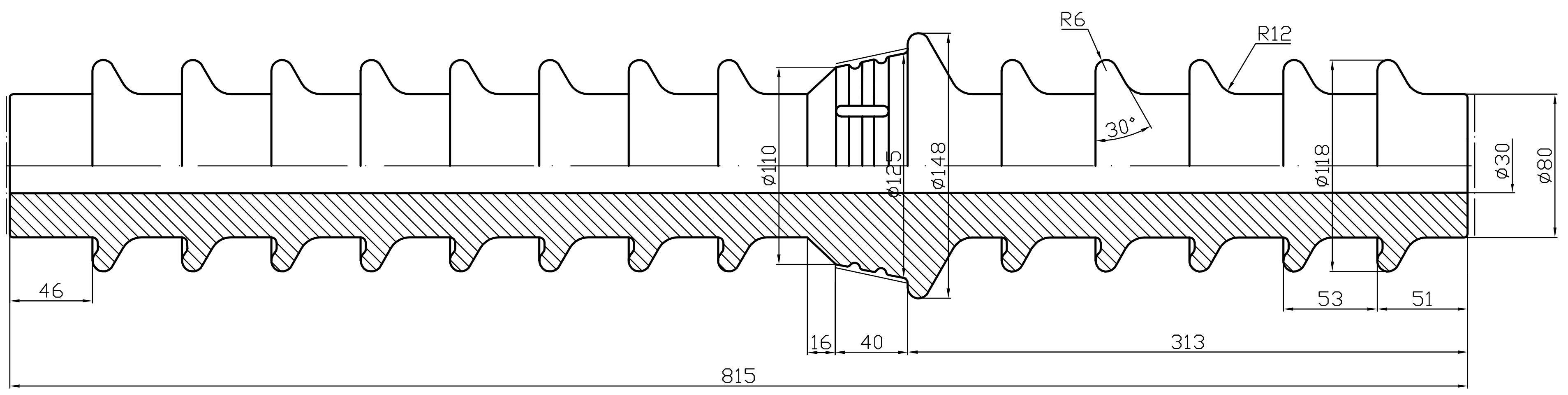

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

1. Điện áp định mức (kV)	35
2. Chiều dài đường dò (mm)	≥ 600
3. Điện áp chịu đựng 50Hz khô(kV)	≥ 110
4. Điện áp chịu đựng 50Hz ướt (kV)	≥ 85
5. Điện áp chịu xung sét 1.2/50 µs (kV)	≥ 200
6. Màu men trên sản phẩm	Nâu
7. Dấu in trên sản phẩm	HLS